TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77**/2023/HS-ST
Ngày 20- 4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**
2. Ông **Lê Tịnh Thới**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2023/HSST ngày 28/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HS ngày 04/4/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Thị Bích L**, T gọi khác: Không.
Giới tính: Nữ; Sinh năm 1986 tại Đồng Nai.
Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo.
Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.
Con ông: Trương Minh H, sinh năm 1961 và bà Tạ Thị Hồng T1, sinh năm 1957.
Chồng: Chưa có.
Con: có 01 người con sinh năm 2013.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2022 đến nay.
2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Quỳnh C**, T gọi khác: Bé C.

Giới tính: Nữ; Sinh năm 1994 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa.

Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Con ông: Nguyễn Vinh S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1953.

Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2022 đến nay.

3. Họ và tên: **Trần Minh T2**, T gọi khác: S1.

Giới tính: Nam; Sinh năm 1985 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo.

Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Trần Văn N, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị T3, sinh năm 1962.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 02 tiền án:

Ngày 26/8/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 05 tháng 22 ngày về tội "Giao cấu với trẻ em" theo bản án số 97/2008/HSST;

Ngày 28/6/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", cộng với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số 97/2008/HSST, ngày 26/8/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 11 năm 06 tháng tù theo bản án số 66/2013/HSST. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 30/01/2021.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2022 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* :

1. Anh **Nguyễn Trung C1**, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Bùi Hoàng Đ,** sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 24/8/2021, Nguyễn Trung C1 đi đến phòng trọ số A, nhà trọ T, do ông Phạm Phú M làm chủ thuộc ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cho Trương Thị Bích L thuê ở và quản lý. Tại đây C1 gặp Trương Thị Bích L, Trần Minh T2, Nguyễn Thị Quỳnh C và Bùi Hoàng Đ. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên tất cả bàn bạc, thống nhất cùng nhau mua ma túy về phòng trọ để sử dụng. C bỏ ra số tiền 200.000 đồng đưa T2 mua ma túy, sau đó T2 gọi điện thoại cho một người tên T4 (chưa rõ nhân thân lai lịch) để mua ma túy còn Liễu chuẩn bị dụng cụ cho cả nhóm sử dụng ma túy tại phòng trọ của mình. Sau khi mua được ma túy, T2 đổ ma túy vào nỏ thủy tinh rồi đốt lên cho C1, L, C, Đ và T2 cùng sử dụng. Sau khi tất cả sử dụng ma túy xong thì người tên T4 nêu trên đến gặp C1 hỏi mượn xe mô tô và T4 nhờ C1 cất giữ hộ 02 đoạn ống nhựa hàn kín chứa ma túy (để trong khẩu trang y tế màu xanh) và nói một lát quay lại sẽ lấy. C1 biết rõ đây là ma túy nhưng vẫn nhận cất giữ hộ T4. Những người còn lại gồm L, C, T2 và Đ đều không biết việc C1 cất giấu ma túy cho T4. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, Công an xã X, huyện X kiểm tra hành chính phát hiện tại vị trí góc tường trên gác có 01 xô đựng đá bằng kim loại bên trong có 01 đoạn ống nhựa, kích thước 01 x 05cm và 01 đoạn ống nhựa, kích thước 01 x 03 cm, tất cả đều được hàn kín, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy (được gói trong 01 khẩu trang y tế màu xanh). Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và niêm phong tang vật theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 30/KLGĐ-PC09 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu 01 ống thủy tinh bị vỡ và 01 vỏ chai nhựa loại chai nước Sting 330ml được gắn với 01 ống hút bằng nhựa màu xanh-trắng được niêm phong gửi đến giám định đều tìm thấy ma túy, loại: Methamphetamine (Mẫu dạng vết không xác định được khối lượng).

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 ống thủy tinh bị vỡ;
- 01 chai nhựa loại chai nước Sting 330ml được gắn với 01 ống hút bằng nhựa, màu xanh-trắng

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKSXL ngày 16/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố bị cáo Trương Thị Bích L, Nguyễn Thị Quỳnh C tội: "Tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Minh T2 tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b, h, khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị:

- Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Bích L từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh C từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Căn cứ điểm b, điểm h khoản 2 Điều 255, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T2 từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị Bích L, Nguyễn Thị Quỳnh C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 24/8/2021, tại phòng số 10 nhà trọ "Thành Đạt" thuộc ấp T, xã X, huyện X; Trương Thị Bích L, Nguyễn Thị Quỳnh C và Trần Minh T2 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Trung C1 và Bùi Hoàng Đ.

[**3**] Xét lời trình bày bị cáo Trần Minh T2: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T2 không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng bị cáo C đưa tiền cho C1 đi mua ma túy chứ không phải bị cáo. Khi C, L, C1, Đ bàn bạc việc mua ma túy sử

dụng thì bị cáo không biết, bị cáo đang ở trong nhà vệ sinh, khi đi ra thì đã có ma túy sẵn và bị cáo chỉ sử dụng chung cùng với C, L, C1, Đ. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 12/10/2022 (bút lục 125, 126) các bị cáo cùng thừa nhận: bị cáo T2 là người trực tiếp liên lạc để mua ma túy. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 12/10/2022 (bút lục 110), bản tự khai ngày 07/12/2022 (bút lục 111), biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2021 (Bút lục số 112, 113), biên bản hỏi cung bị can ngày 08/12/2022 và ngày 12/12/2022 (bút lục số 116, 117, 118, 119, 120) bị cáo T2 đều thừa nhận C là người đưa tiền cho bị cáo để bị cáo đi mua ma túy phù hợp với lời khai của bị cáo C tại các bút lục (78, 79, 80), lời khai của bị cáo L tại các bút lục (55, 56).

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Minh T2, Trương Thị Bích L, Nguyễn Thị Quỳnh C phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự .

[4] Tình tiết tăng nặng: Không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo L và bị cáo C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo L có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhận thấy: Việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy. Vì ma túy là nguyên nhân dẫn đến những thiệt hại về tài sản, là nguồn lây lan nhiều căn bệnh nguy hiểm, là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm về hình sự, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Lần phạm tội này của bị cáo T2 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo T2 có hai tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự nên hình phạt của bị cáo T2 phải cao hơn bị cáo L và bị cáo C. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 30/KLGĐ-PC09 ngày 12/01/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Trung C1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 39/2022/HS-ST ngày 08/4/2022.

Đối với đối tượng tên T4 là người đã đưa ma túy cho C1 giữ hộ và là người đã bán ma túy cho nhóm L, T2, Đ, C và C1 cùng nhau sử dụng trước đó, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Bùi Hoàng Đ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với ông Phạm Phú M là chủ nhà trọ Thành Đạt khi cho Trương Thị Bích L thuê ở do không biết L sử dụng phòng trọ số 10 để làm nơi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X không xử lý là phù hợp.

[**9**] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận .

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ án phí Hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trương Thị Bích L**, **Nguyễn Thị Quỳnh C** phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Bích L** **07** (bảy) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2022.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Quỳnh C** **07** (bảy) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2022.

2. Căn cứ điểm b, điểm h khoản 2, Điều 255; Điều 38 Bộ Luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Minh T2** phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo **Trần Minh T2** **08** (tám) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2022.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 30/KLGĐ-PC09, ngày 12/01/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Thị Bích L, Nguyễn Thị Quỳnh C, Trần Minh T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- UBND xã nơi bc cư trú;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ